TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **67**/2024/LĐ-ST
Ngày: 12-9-2024
"V/V: Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi** - Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Thùy Trang** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-LĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về *"Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ1); địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nozaki H – Chức danh: Chủ tịch công ty. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố Đ; địa chỉ: Số D X, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí Đ – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Vào tháng 06/2009 em gái bà Nguyễn Thị L là Nguyễn Thị L1 có mượn chứng minh nhân dân của bà L (CMND số 205383735 do Công an tỉnh Q cấp ngày

25/02/2005) để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ1 và tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội là 4809018417 mang tên Nguyễn Thị L. Lý do bà Nguyễn Thị L1 mượn giấy CMND của bà L là do bà L1 chưa đủ 18 tuổi để có thể trực tiếp ký kết hợp đồng lao động. Bà L1 chỉ làm việc tại Công ty TNHH Đ1 từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 và sau đó nghỉ việc.

Tuy nhiên, trong thời gian này bà Nguyễn Thị L cũng đang làm việc tại Công ty TNHH N và tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội là 0406015892 mang tên Nguyễn Thị L, nghỉ việc tại Công ty vào tháng 4/2018. Sau đó, bà L tiếp tục làm việc tại TNHH M1 từ tháng 03/2019 đến tháng 07/2020; làm việc tại công ty TNHH MTV S từ tháng 10/2020 đến tháng 05/2023. Hiện nay, bà Nguyễn Thị L đã nghỉ việc đang làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần nhưng gặp vướng mắc do trùng quá trình tham gia đóng bảo hiểm từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 nêu trên.

Do đó, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị L1 mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị L giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

** Bị đơn là Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ1) - Đại diện theo pháp luật: Ông Nozaki H – Chức danh: Chủ tịch công ty đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị L1 trình bày:***

Do chưa đủ 18 tuổi để được ký kết hợp đồng nên vào tháng 06/2009 bà Nguyễn Thị L1 có mượn chứng minh nhân dân của chị bà L1 là Nguyễn Thị L (CMND số 205383735 do Công an tỉnh Q cấp ngày 25/02/2005) để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ1 và tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội là 4809018417 mang tên Nguyễn Thị L. Bà L1 lao động tại công ty từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 thì ba bà L1 qua đời đột ngột nên bà L1 nghỉ việc và về quê. Do thời gian đã lâu nên bà L1 không lưu giữ hợp đồng lao động và quay về quê đột ngột nên cũng không làm thủ tục rút sổ bảo hiểm; bản thân bà L1 chưa nhận bất cứ chế độ gì của bảo hiểm xã hội.

Nay chị bà Nguyễn Thị L1 là Nguyễn Thị L làm thủ tục rút sổ bảo hiểm thì gặp vướng mắc do trùng sổ bảo hiểm giai đoạn bà L1 mượn chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH Đ1. Do đó, bà L1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị bà L, đề nghị tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị L1 giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ1. Bản thân bà L1 chỉ mong muốn chị bà L1 được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì đối với mình nên thống nhất với ý kiến của chị bà L1 là không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

**** Tại Công văn số 1664/BHXH-QLT-ST ngày 02.8.2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trình bày:***

Theo tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 có 02 mã số BHXH gồm:

- Mã số BHXH 0406015892 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty CP N từ tháng 06/2006 đến tháng 04/2018 (Đính kèm Danh sách lao động, Quỹ tiền lương điều chỉnh mức nộp BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) tháng 06/2006; Danh sách lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN tháng 05 năm 2018 (Mẫu D02-TS));

- Mã số BHXH 4809018471 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty Đ1 từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 (Đính kèm Danh sách lao động tham gia BHXH, BHYT tháng 06/2009 và tháng 01/2010; Tờ khai tham gia BHXH, BHYT bắt buộc).

Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ không đến Tòa án để giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn là bà Nguyễn Thị L1 đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn là Công ty TNHH M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị L1 trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn là Công ty TNHH M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Công ty TNHH M và Bảo hiểm xã hội thành phố Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Công ty TNHH M và Bảo hiểm xã hội thành phố Đ.

[1.4] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện: Ngày 10.7.2024, bà Nguyễn Thị L đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Phòng Lao động thương binh và xã hội quận L để yêu cầu hòa giải nhưng quá hạn 05 ngày làm việc vụ việc không được tiến hành hòa giải cơ sở. Đồng thời, tại Công văn số 300/PLĐTBXH-LĐVL ngày 15.7.2024 của Phòng Lao động thương binh và xã hội quận L cho rằng tòa án có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật lao động năm 2019, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị L1 mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị L giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

HĐXX xét thấy, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L, bị đơn là bà Nguyễn Thị L1 không cung cấp được hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ1 và bà Nguyễn Thị L do thời gian đã lâu nên bị thất lạc. Bị đơn là Công ty TNHH M (tên gọi cũ: Công ty TNHH Đ1) không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, tại Công văn số 1664/BHXH-QLT-ST ngày 02.8.2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định bà Nguyễn Thị L có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ1 từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009, mã số BHXH 4809018471 nên có cơ sở xác định giữa Công ty TNHH Đ1 và bà Nguyễn Thị L có giao kết hợp đồng lao động từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009.

Xét thấy, tại Công văn số 1664/BHXH-QLT-ST ngày 02.8.2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định bà Nguyễn Thị L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH N từ tháng 06/2006 đến tháng 04/2018; đồng thời có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ1 từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009. Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 bà Nguyễn Thị L cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH N và Công ty TNHH Đ1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay

nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L và bị đơn là bà Nguyễn Thị L1 trình bày thống nhất từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 bà Nguyễn Thị L làm việc tại Công ty TNHH N và bà Nguyễn Thị L1 mượn chứng minh nhân dân của bà L để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ1. Bị đơn là Công ty TNHH M (tên gọi cũ: Công ty TNHH Đ1) mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị L không ký kết hợp đồng lao động và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ1 từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009. Như vậy, việc bà Nguyễn Thị L1 ký hợp đồng và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ1 nhưng với tên bà Nguyễn Thị L là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động nêu trên là không có hiệu lực. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L và Công ty TNHH Đ1 từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 là vô hiệu do không đúng người tham gia lao động ký kết hợp đồng lao động là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm 300.000 đồng nên HĐXX ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007);

- Khoản 2, khoản 7 Điều 188, Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu":

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty TNHH M) từ tháng 06/2009 đến tháng 12/2009 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thị L1 trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị L.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0000882 ngày 18/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh